

Phụ lục 2

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021
SỞ CÔNG THƯƠNG**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Kế hoạch CCHC		1	Kế hoạch số 04/KH-SCT ngày 18/01/2021
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	22	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	21	Thực hiện hoàn thành 95,5%, còn 1 nhiệm vụ chưa đến hạn thực hiện (Tổ chức chấm điểm các tiêu chí để xác định Chỉ số CCHC của Sở, thuộc mục công tác chỉ đạo điều hành)
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	5	Kế hoạch số 04/KH-SCT ngày 18/01/2021; Kế hoạch số 05/KH-SCT ngày 21/01/2021; Kế hoạch số 09/KH-SCT ngày 28/01/2021; Kế hoạch số 16/KH-SCT ngày 23/02/2021; Kế hoạch số 17/KH-SCT ngày 23/02/2021; Kế hoạch số 65/KH-SCT ngày 28/6/2021
2	Kiểm tra CCHC		1	Kế hoạch số 17/KH-SCT ngày 23/02/2021
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	Thực hiện theo Kế hoạch số 17/KH-SCT ngày 23/02/2021, Sở đã tiến hành kiểm tra vào ngày 08/7/2021 và Thông báo kết luận kiểm tra tại Thông báo số 82/TB-SCT ngày 05/8/2021 và Thông báo số 83/TB-SCT ngày 05/8/2021.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	Thực hiện theo Kế hoạch số 17/KH-SCT ngày 23/02/2021, Sở đã tiến hành kiểm tra vào ngày 09/7/2021 và có Thông báo kết luận kiểm tra tại Thông báo số 81/TB-SCT ngày 05/8/2021 và
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		Qua kiểm tra phát hiện 02 vấn đề còn tồn tại, hạn chế đối với Trung tâm KC&TVPTCN: máy móc, thiết bị lạc hậu, xuống cấp nhưng chưa có kinh phí trang bị; tổ chức bộ máy chưa được kiện toàn, có 01 Phó Giám đốc phụ trách tất cả nhiệm vụ của Trung tâm nên áp lực công việc cao (theo Thông báo số 81/TB-SCT ngày 05/8/2021)
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC		1	Kế hoạch số 16/KH-SCT ngày 23/02/2021
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	50,0	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	2	- Quý I: 01 bài - Quý II: 01 bài - Quý III: 01 bài
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	12	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài	17	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	Nội dung tuyên truyền: tuyên truyền các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến người dân, doanh nghiệp về cải cách hành chính cho công chức, viên chức; tuyên truyền kế hoạch, chương trình, báo cáo của tỉnh về cải cách hành chính và một số văn bản liên quan đến chế độ, chính sách đến CCVC; Những quy định mới về thủ tục hành chính. Hình thức: thông qua các cuộc họp, qua Cổng Thông tin điện tử của Sở, qua phần mềm quản lý văn bản, qua Tờ tin tuyên truyền của Đảng ủy Sở.
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			Không được giao thực hiện
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	51	Số liệu được lấy từ Báo cáo của Trung tâm Phục vụ hành chính công từ tháng 1/2021 đến tháng 11/2021
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1		Thông qua máy đánh giá mức độ hài lòng đặt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	Theo Báo cáo của trung tâm Phục vụ Hành chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
6	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt =1 Có vi phạm = 0	1	
7	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	2	- Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 19/3/2021. - Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	2	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	2	
2	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát	Văn bản	44	Báo cáo số 111/BC-SCT ngày 10/5/2021; Báo cáo số 200/BC-SCT, ngày 19/7/2021; Báo cáo số 221/BC-SCT ngày 14/8/2021
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	44	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	24	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1 Không = 0	1	Kế hoạch số 05/KH-SCT ngày 21/01/2021
2	Thông kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	2	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	114	
	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục	114	
	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục	0	
3	Vận hành Trang Một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị			
	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục	114	
	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục	105	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		0	
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
6	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		10.990	
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả		10.983	Trong đó: hồ sơ trả trước hạn: 10.982 hồ sơ, trễ hạn: 01 hồ sơ, còn lại 07 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn/Số lượng TTHC đã giải quyết.
7	Vận hành Cổng dịch vụ công			
	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	114	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	105	
	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	28	28 TTHC thuộc mức độ 4
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	5	Văn phòng, Thanh tra, Quản lý Thương mại, Quản lý Năng lượng, Quản lý Công nghiệp
	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	2	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp; - Trung tâm Xúc tiến thương mại
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	3	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp: có 03 phòng; - Trung tâm Xúc tiến thương mại: 0
	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	2	phòng Kế hoạch-Tài chính-Tổng hợp và phòng Pháp chế
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	0	
2	Số liệu về biên chế công chức			
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	39	trong đó: biên chế công chức là 35; HĐ theo ND số 68/2000/ND-CP: 04 (theo QĐ số 4057/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35	trong đó: công chức là 31; HĐ theo ND số 68/2000/ND-CP: 04
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	100	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)		22	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp: 14 người; - Trung tâm Xúc tiến thương mại: 8 người.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Tổng số người làm việc được giao	Người	26	- Số người làm việc: 24 - Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP: 02 (Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	21	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp: 14 người; - Trung tâm Xúc tiến thương mại: 7 người.
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	0	
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	13	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước		2	Sở Công Thương ban hành Kế hoạch Kiểm tra công tác quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện về ATTP phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương theo QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng (Kế hoạch số 59/KH-SCT ngày 02/6/2021) và thành lập Đoàn kiểm tra (Quyết định số 35/QĐ-SCT ngày 07/6/2021). - Đối tượng kiểm tra: UBND thị xã Ngã Năm, huyện Châu Thành. - Thời gian kiểm tra: từ ngày 10/8/2021 đến ngày 20/8/2021, tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh, Đoàn Kiểm tra Sở Công Thương tổ chức kiểm tra gián tiếp thông qua báo cáo của đơn vị
	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	1	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành			
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	1	Thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề	2	Kết luận thanh tra số 05/KL-SCT ngày 23/3/2021
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1 Không = 0	1	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)			
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	3	Quyết định số 117/QĐ-SCT, ngày 16/11/2021 Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương năm 2021
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	19	Công văn số 1477/SCT-VP ngày 08/12/2020
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	51	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	2	
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (<i>cả về Đảng và chính quyền</i>).			
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			
VI	Cải cách tài chính công			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	2	
4	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	02 đơn vị trực thuộc đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ
5	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	3	
VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị:	Văn bản	2.929	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0	
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến			
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	105	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	96,80	
4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	Thủ tục	11	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	2	Trong đó có 01 TTHC khi tiếp nhận nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì không cần trả kết quả
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	6	Trong đó có 05 hồ sơ thuộc TTHC không cần trả kết quả. Do TTHC khi tiếp nhận nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì không cần trả kết quả.
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	1	
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	QĐ số 12/QĐ-SCT ngày 03/3/2021 (Do thu hẹp phạm vi) và QĐ số 119/QĐ-SCT ngày 22/11/2021 (Do mở rộng phạm vi)
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	Sở đã đánh giá vào ngày 24/6/2021
	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	Tổ chức xem xét lãnh đạo vào ngày 06/7/2021
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	0	Do đơn vị không áp dụng hệ thống
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	